TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 TỈNH QUẢNG NGÃI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập –Tự do- Hạnh phúc**
Số: 01/2026/QĐST- HNGĐ	*Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 01 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 32/2025/TLST- HNGĐ, ngày 30 tháng 10 năm 2025, về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Y N, sinh ngày xx/x/19xx. Địa chỉ: Thôn Đ P K, xã K B, tỉnh Quảng Ng.

- *Bị đơn:* Anh A T, sinh ngày xx/xx/19xx. Địa chỉ: Thôn Đ P K, xã K B, tỉnh Quảng Ng.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 144; khoản 3, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa**:** Chị Y N và anh A T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Y N và anh A T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Chị Y N và anh A T có 02 con chung tên A Công Th sinh

ngày xx/xx/20xx và A Công Đ, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị Y N và anh A T thỏa thuận thống nhất giao 02 con chung A Công Thành và A Công Đ cho chị Y N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- *Về cấp dưỡng:* Chị Y N không yêu cầu anh A T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn anh A T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và khi cần thiết anh A T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng, chị Y N và anh A T mỗi người chịu 75.000 đồng *(Bảy mươi lăm nghìn đồng)* đồng. Chị Y N nhận chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho anh A T, anh A T đồng ý. Tổng cộng chị Y N phải nộp là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng mà chị Y Nđã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001934 ngày 30/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Hoàn trả lại cho chị Y N150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Anh A T không phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm (vì chị Y Nnhận nộp thay).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 10 - Quảng Ngãi;
- Phòng THADS KV 10 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN
(*Đã ký)*

Trần Đăng Lễ